

Số: 34 /KH-UBND

Ba Tơ, ngày 22 tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH
Về tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2022

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 01/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, UBND huyện ban hành Kế hoạch về tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 như sau:

I. MỤC TIÊU

Nhằm hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của huyện, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, quyết tâm hoàn thành mục tiêu đến ngày 31/12/2022 giải ngân 100% vốn đầu tư công năm 2022.

II. NỘI DUNG

Ban hành Kế hoạch về tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 chi tiết theo từng công trình, dự án trong năm 2022, chi tiết theo Phụ lục đính kèm. Trong đó:

- Hoàn thành mục tiêu đến ngày 31/12/2022 giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (*không chờ hết niên độ ngân sách*); trong đó đến hết Quý III năm 2022 giải ngân đạt tối thiểu 70% kế hoạch được giao.

- Chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 của các dự án chậm tiến độ sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt và có nhu cầu bổ sung vốn để thực hiện.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 01/01/2022 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.

2. Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, tài nguyên. Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thi công; thực hiện nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng.

3. Rà soát, điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, còn thiếu vốn.

4. Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, cá nhân có liên quan trong trường hợp không hoàn thành kế hoạch giải ngân theo tiến độ đề ra. Kiên quyết chống trì trệ, xử lý nghiêm các trường hợp tiêu cực trong đầu tư công.

5. Thực hiện đấu thầu qua mạng theo quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, lựa chọn nhà thầu đủ năng lực; xử lý nghiêm các trường hợp nhà thầu vi phạm tiến độ hợp đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương là chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công:

- Nghiêm túc, khẩn trương thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được giao theo tiến độ chi tiết từng dự án được ban hành kèm theo Kế hoạch này; đến ngày 31/12/2022 hoàn thành 100% kế hoạch vốn năm 2022 được giao theo cam kết của Chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án với UBND huyện. Định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch trước ngày 22 hàng tháng.

- Chủ động rà soát tiến độ giải ngân của từng công trình, dự án để kịp thời có phương án điều chuyển, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về kết quả giải ngân vốn đầu tư công của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đã được UBND huyện giao kế hoạch vốn; đồng thời, trên cơ sở đề nghị điều chuyển vốn của đơn vị, tổng hợp, rà soát tham mưu UBND huyện xem xét, điều chuyển vốn thuộc kế hoạch năm 2022 theo thẩm quyền.

3. Kho bạc Nhà nước Ba Tư tiếp tục đổi mới quy trình kiểm soát chi, rút ngắn thời gian thanh toán đúng thời hạn quy định, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư thuận lợi trong việc giải ngân thanh toán và hoàn ứng vốn đầu tư. Định kỳ, trước ngày 22 hàng tháng gửi thông tin về tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn cho Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp, báo cáo UBND huyện theo quy định.

4. Phòng Nội vụ: Trên cơ sở báo cáo của Phòng Tài chính – Kế hoạch về kết quả thực hiện Kế hoạch này của các đơn vị chủ đầu tư, xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2022; đồng thời, không bình xét thi đua khen thưởng cuối năm đối với tập thể, người đứng đầu và các cá nhân liên quan trong việc giải ngân không đạt tiến độ đã đề ra; riêng đối với các đơn vị không thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao, bị cấp thẩm quyền thu hồi vốn thì cần xem xét, đề xuất biện pháp xử lý nghiêm theo quy định.

UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung quán triệt ngay và triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả Kế hoạch này; kịp thời đề xuất, báo cáo UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định những vấn đề mới phát sinh, vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận: *st*

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng chuyên môn huyện;
- Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm TT-VH-TT huyện;
- Văn phòng huyện;
- Lưu: VT+TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Xuân Vinh



1/1

DANH MỤC TIẾN ĐỘ CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số 3A /KH-UBND ngày 02/2022 của UBND huyện)

| Số TT | Tên dự án | Kế hoạch vốn được giao | | Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/12/2022 (%) | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|-------|---|------------------------|---------------------------------|--|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------|----------------|----------------|------------------------|
| | | Tổng số | Trong đó: từ nguồn thu tiền SDD | Đến ngày 31/01 | Đến ngày 28/02 | Đến ngày 31/3 | Đến ngày 30/4 | Đến ngày 31/5 | Đến ngày 30/6 | Đến ngày 31/7 | Đến ngày 31/8 | Đến ngày 30/9 | Đến ngày 31/10 | Đến ngày 30/11 | Đến ngày 31/12 | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 45 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| | Tổng số | 134.214 | 40.100 | | | | | | | | | | | | | |
| I | Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ | 120.321 | 38.460 | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đường Ba Chùa - Hành Tín Đông | 15.000 | | 10% | 14% | 30% | 35% | 40% | 60% | 70% | 80% | 85% | 90% | 95% | 100% | Công trình chuyển tiếp |
| 2 | Nâng cấp, mở rộng đường 30/10(GĐ 2) | 1.125 | | | | 20% | 25% | 30% | 40% | 45% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | |
| 3 | Đường Trần Quý Hai(GĐ 2) | 2.000 | | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | |
| 4 | Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Ba Đông, huyện Ba Tư | 1.200 | | | 58% | 60% | 65% | 70% | 75% | 80% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | |
| 5 | Trụ sở làm việc thị trấn Ba Tư | 6.489 | 3.000 | 53% | 55% | 60% | 70% | 80% | 80% | 80% | 90% | 95% | 95% | 100% | 100% | |
| 6 | Trường THCS Thị trấn Ba Tư. HM: Nhà đa năng | 2.550 | | 81% | 85% | 90% | 90% | 90% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | |
| 7 | KDC chính trang phía Đông đường Trần Toại thị trấn Ba Tư | 1.700 | 1.400 | 17% | 17% | 25% | 30% | 35% | 40% | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | |
| 8 | KDC chính trang phía Tây Bắc suối Tài Năng thị trấn Ba Tư | 2.100 | 1.700 | 15% | 15% | 20% | 30% | 35% | 40% | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | |
| 9 | Trường TH&THCS Ba Điền. HM: 08 phòng học | 1.560 | | 19% | 20% | 30% | 35% | 40% | 60% | 60% | 70% | 75% | 80% | 90% | 100% | |
| 10 | Trường THCS Ba Vi. HM: Nhà đa năng | 1.559 | | | 20% | 30% | 35% | 40% | 50% | 60% | 65% | 70% | 80% | 90% | 100% | |
| 11 | Trụ sở làm việc Huyện ủy: HM: Nâng cấp tường rào phía tây nam, xây mới nhà bảo vệ, nâng cấp nhà công vụ | 360 | | | | 30% | 30% | 30% | 40% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | |
| 12 | Phù điều di tích lịch sử chiến thắng Đá Bàn | 960 | 560 | | | 30% | 30% | 30% | 40% | 50% | 55% | 70% | 80% | 90% | 100% | |
| 13 | Sân vận động huyện Ba Tư | 2.718 | 1.800 | | | 30% | 30% | 30% | 40% | 50% | 55% | 70% | 80% | 90% | 100% | |
| 14 | Đầu tư di dời Trung tâm hành chính xã Ba Giang | 10.000 | | 77% | 90% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | |
| 15 | Đầu tư di dời Trung tâm hành chính xã Ba Giang (GD 2) | 10.000 | | 68% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | |
| 16 | Cầu vượt lũ suối Nước Lách | 16.000 | | 24% | 30% | 40% | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 90% | 100% | 100% | 100% | |



| Số TT | Tên dự án | Kế hoạch vốn được giao | | Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/12/2022 (%) | | | | | | | | | | | | Ghi chú | |
|-------|--|------------------------|---------------------------------|--|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------|----------------|----------------|---------|----|
| | | Tổng số | Trong đó: từ nguồn thu tiền SDD | Đến ngày 31/01 | Đến ngày 28/02 | Đến ngày 31/3 | Đến ngày 30/4 | Đến ngày 31/5 | Đến ngày 30/6 | Đến ngày 31/7 | Đến ngày 31/8 | Đến ngày 30/9 | Đến ngày 31/10 | Đến ngày 30/11 | Đến ngày 31/12 | | |
| 1 | Đường thị trấn Ba To di NƯỚC ĐANG | 3 | 4 | 45% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 17 |
| 17 | Đường thị trấn Ba To di NƯỚC ĐANG | 15.000 | | 11% | 30% | 35% | 40% | 50% | 70% | 75% | 90% | 90% | 100% | 100% | 100% | 100% | |
| 18 | Đường Ba Bích - Ba Lễ - Ba Nam | 30.000 | 30.000 | | | | | | 40% | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | |
| II | Phòng Tài nguyên và Môi Trường | 1.640 | 1.640 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lập quy hoạch sử dụng đất huyện Ba To, giai đoạn 2021-2030 | 1.640 | 1.640 | | | 50% | | | 100% | | | | | | | | |
| III | Phòng Kinh tế - Hạ Tầng | 655 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Điền giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 | 130 | | | | | | | 40% | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | |
| 2 | Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Liên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 | 130 | | | | | | | 40% | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | |
| 3 | Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Đình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 | 132 | | | | | | | 40% | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | |
| 4 | Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Ngạc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 | 130 | | | | | | | 40% | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | |
| 5 | Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Tô giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 | 133 | | | | | | | 40% | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | |
| IV | Xã Ba Điền | 1.342 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Năng cấp BTXM tuyến DT624- Làng Tương | 450 | | 50% | 80% | 90% | 100% | | | | | | | | | | |
| 2 | Nhà văn hóa thôn Làng Rêu | 372 | | 50% | 80% | 90% | 100% | | | | | | | | | | |
| 3 | Năng cấp BTXM tuyến đường Làng Roan- Làng Tương | 100 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | | |
| 4 | Đập Nước Tùn | 200 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | | |
| 5 | D. Xa: Nối tiếp BTXM tuyến Làng Rêu - Gò Vĩ | 220 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | | |
| V | Xã Ba Liên | 1.124 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nối tiếp tuyến kênh mương Hồ chứa nước Núi Ngang đi Ngã Huỳnh Sơn | 372 | | 50% | 80% | 90% | 100% | | | | | | | | | | |
| 2 | Nối tiếp tuyến kênh mương Hồ chứa nước Núi Ngang đi hạ lưu Đả Chất | 272 | | 50% | 80% | 90% | 100% | | | | | | | | | | |
| 3 | Tường rào, công ngõ, kê chắn sân vận động xã Ba Liên | 180 | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | 100% | | | |



| Số TT | Tên dự án | Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/12/2022 (%) | | | | | | | | | | | | | Ghi chú | |
|-------|---|--|---------------------------------|----------------|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------|----------------|---------|----------------|
| | | Tổng số | Trong đó: từ nguồn thu tiền SDD | Đến ngày 31/01 | Đến ngày 28/02 | Đến ngày 31/3 | Đến ngày 30/4 | Đến ngày 31/5 | Đến ngày 30/6 | Đến ngày 31/7 | Đến ngày 31/8 | Đến ngày 30/9 | Đến ngày 31/10 | Đến ngày 30/11 | | Đến ngày 31/12 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 45 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 4 | Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh Hồ Núi Ngang đi Đá Chát | 170 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| 5 | Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh Hồ Núi Ngang đi Ngủ Huỳnh Sơn | 130 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| VI | Xã Ba Vì | 1.154 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nối tiếp kênh Sông Re - Giá vực | 422 | | 50% | 80% | 90% | 100% | | | | | | | | | |
| 2 | Nối tiếp BTXM đường Mang Đen - Mang Cành | 172 | | 50% | 80% | 90% | 100% | | | | | | | | | |
| 3 | Nối tiếp Kênh Ka Doát - Đòng Dao | 140 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| 4 | Nối tiếp đường BTXM Nước Trét đi Gò Vành | 180 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| 5 | Kênh Sông Re- Giá Vực | 240 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| VII | Xã Ba Ngạc | 965 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nhà văn hóa thôn Křen và thôn Nước Lầy; hang mục: Sân vườn, tường rào, công ngõ | 295 | | 50% | 80% | 90% | 100% | | | | | | | | | |
| 2 | BTXM tuyến ngã 3 đường xã đi xóm Vi Vong | 350 | | 50% | 80% | 90% | 100% | | | | | | | | | |
| 3 | Nối tiếp BTXM ngã ba đường xã đi nhà ông Ưông | 180 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| 4 | Nhà văn hóa thôn Tà Noát, Nhà văn hóa thôn Ba Làng; hang mục: Sân vườn, tường rào, công ngõ | 140 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| VIII | Thị trấn Ba Tư | 935 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa TDP Nam Hoàn Đôn | 295 | | 50% | 80% | 90% | 100% | | | | | | | | | |
| 2 | Nâng cấp BTXM tuyến từ QL24 đi TTQ số 45, TDP Uy Năng | 340 | | 50% | 80% | 90% | 100% | | | | | | | | | |
| 3 | Nhà văn hóa TDP Đá Bàn | 300 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| IX | Xã Ba Đình | 440 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nối tiếp BTXM tuyến đường từ tổ 3 đi tổ 4 (Nhánh Nước Tiên - Ba Chùa) | 200 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| 2 | Nối tiếp BTXM đường GTNT tuyến nhà ông Nguyễn Thanh Tạo - Tổ 2 Ka La | 120 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |

| Số TT | Tên dự án | Kế hoạch vốn được giao | | | | | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|-------|---|--|---------------------------------|----------------|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------|----------------|----------------|----|--|---------|
| | | Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/12/2022 (%) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số | Trong đó: từ nguồn thu tiền SDD | Đến ngày 31/01 | Đến ngày 28/02 | Đến ngày 31/3 | Đến ngày 30/4 | Đến ngày 31/5 | Đến ngày 30/6 | Đến ngày 31/7 | Đến ngày 31/8 | Đến ngày 30/9 | Đến ngày 31/10 | Đến ngày 30/11 | Đến ngày 31/12 | | | |
| 1 | | 3 | 4 | 45 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | | |
| 3 | BTXM tuyến đường GINT tuyến QL24 (km38+800) - Tò 1 Tà Diêu thôn Làng Măng | 120 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| X | Xã Ba Tô | 560 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nội tiếp BTXM tập đoàn KaniN- Yang Ro, Làng Mạ | 160 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| 2 | Nội tiếp BTXM QL24 (km40) - Nước Lắm, thôn M6 Lang | 160 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| 3 | Nâng cấp sân vận động xã Ba Tô | 240 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| XI | Xã Ba Bích | 180 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đập và kênh Nước Ôn | 180 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| XII | Xã Ba Cung | 240 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | BTXM tuyến QL24 đi Gò Loa - Đòng Xoài | 240 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| XIII | Xã Ba Động | 140 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Kiến cố hóa Kênh nhánh Rộc lang thôn Tân Long | 140 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| XIV | Xã Ba Giang | 160 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nâng cấp BTXM Tuyến Nhà ông Nta Tô 1 đi Gò Khôn | 160 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| XV | Xã Ba Khâm | 160 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | BTXM từ Trường Mầm non Hó Sầu đi Gò Rộc | 160 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| XVI | Xã Ba Lê | 200 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đập dâng Nước Lẻ | 200 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| XVII | Xã Ba Nam | 558 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Kè chống sạt lở, tường rào, cổng ngõ Trụ sở làm việc UBND xã Ba Nam | 320 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |
| 2 | Trạm Y tế xã Ba Nam; hang mưc; Sân tập mặt bằng, kè chống sạt lở, tường rào, cổng ngõ | 238 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | |





| Số TT | Kế hoạch vốn được giao | Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/12/2022 (%) | | | | | | | | | | | | Ghi chú | | |
|--------------|---|--|---------------------------------|----------------|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------|---------|----------------|----------------|
| | | Tổng số | Trong đó: từ nguồn thu tiền SDD | Đến ngày 31/01 | Đến ngày 28/02 | Đến ngày 31/3 | Đến ngày 30/4 | Đến ngày 31/5 | Đến ngày 30/6 | Đến ngày 31/7 | Đến ngày 31/8 | Đến ngày 30/9 | Đến ngày 31/10 | | Đến ngày 30/11 | Đến ngày 31/12 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 45 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| XVIII | Xã Ba Thành | 440 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cấp điện sinh hoạt nông thôn cho tổ Gò Rạch, Ká La | 245 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| 2 | Cấp điện sinh hoạt nông thôn cho tổ Gò Ôn, Bãi Ri mới | 195 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| XIX | Xã Ba Tiêu | 220 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đường BTXM QL 24 đi Krấy | 220 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| XX | Xã Ba Trang | 160 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tường rào cổng ngõ, đường nội bộ Nhà văn hóa thôn Bùi Hui, Nhà văn hóa thôn Kon Dộc | 160 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| XXI | Xã Ba Vinh | 220 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Kiến cố hóa Kênh Kalên | 110 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| 2 | Nối tiếp BTXM đường Nước Gia - Cao Muôn | 110 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| XXII | Xã Ba Xa | 200 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nối tiếp BTXM Mang Krá - Gò Hre 1 | 200 | | | | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | |
| XXIII | Quý Bảo vệ trẻ em tỉnh Quảng Ngãi | 896 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng nhà lớp học Trường Mầm non Ba Tiêu do Tổ chức Children of Viet Nam tài trợ; hạng mục: 01 phòng học | 229 | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | | |
| 2 | Xây dựng nhà lớp học Trường Mầm non Ba Khâm do Tổ chức Children of Viet Nam tài trợ; hạng mục: 01 phòng học | 225 | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | | |
| 3 | Xây dựng nhà lớp học Trường Mầm non Ba Vi do Tổ chức Children of Viet Nam tài trợ; hạng mục: 02 phòng học | 442 | | | | 50% | 60% | 70% | 80% | 90% | 100% | | | | | |
| XXIV | Phòng Tài chính - Kế hoạch | 1.304 | | | | | | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên dự án | Kế hoạch vốn được giao | Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/12/2022 (%) | | | | | | | | | | | | Ghi chú | |
|-------|--|------------------------|--|---------------------------------|----------------|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------|---------|----------------|
| | | | Tổng số | Trong đó: từ nguồn thu tiền SDD | Đến ngày 31/01 | Đến ngày 28/02 | Đến ngày 31/3 | Đến ngày 30/4 | Đến ngày 31/5 | Đến ngày 30/6 | Đến ngày 31/7 | Đến ngày 31/8 | Đến ngày 30/9 | Đến ngày 31/10 | | Đến ngày 30/11 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 45 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 1 | Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của UBND tỉnh, các Chương trình khác mà ngân sách huyện phải đối ứng; những chủ đầu tư hoàn thành tiến độ sớm so với kế hoạch theo quy định | 1.304 | | | | | | | | | | 100% | | | | Phân bổ sau |

